

BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU CÔNG CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CPEIR) – GIAI ĐOẠN 2016-2020 – CẦN THƠ

1. Tình hình biến đổi khí hậu ở Cần Thơ

Giới thiệu chung về thành phố Cần Thơ

Cần Thơ là thành phố trực thuộc trung ương (TPCT), trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế và giáo dục của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), cách Thành phố Hồ Chí Minh 169 km, cách thành phố Cà Mau hơn 150 km, cách thành phố Rạch Giá gần 120 km và cách biển khoảng hơn 80 km.

Năm 2018, dân số Cần Thơ là khoảng 1,3 triệu người, Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người là 80,5 triệu VNĐ (~3.500 USD), tổng giá trị GRDP của toàn TPCT đạt 103,2 nghìn tỉ VNĐ (4,48 tỉ USD). Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 02 năm gần đây (2019-2020) là khoảng 7,5%, cao hơn so với mức tăng GDP của cả nước.



Cơ cấu kinh tế của TPCT đang dần chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông-lâm- thủy sản, tăng công nghiệp-xây dựng và dịch vụ. Năm 2019, nông-lâm- thủy sản ước tăng 0,44% (chiếm 7,7% GRDP); công nghiệp-xây dựng tăng 8,26% (chiếm 32,96%); dịch vụ tăng 8,19% so với năm 2018 và chiếm tỷ trọng 59,34% trong cơ cấu GRDP của thành phố¹.

Tác động của biến đổi khí hậu đến thành phố Cần Thơ

Cần Thơ được đánh giá là một trong 05 thành phố bị ảnh hưởng nặng nề bởi BĐKH, biểu hiện ngày càng rõ ở mức tăng nhiệt độ không khí, lượng mưa, mức độ ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và một số thiên tai khác.

- Nhiệt độ tăng: Số liệu thực tế và số liệu dự báo đều cho thấy nhiệt độ trung bình tăng cao. Nhiệt độ không khí trung bình năm của thành phố Cần Thơ từ năm 1978 đến năm 2012 có xu hướng tăng khoảng 0,7 - 0,8 °C, trung bình khoảng 27,3 °C. Điều này gây bất lợi cho sức khỏe cộng đồng và làm giảm năng suất cây trồng. Sự gia tăng nhiệt độ kéo theo tác động đến các lĩnh vực về năng lượng, giao thông vận tải, công nghiệp, xây dựng, du lịch... do các chi phí về làm mát, thông gió, bảo quản vận hành thiết bị, phương tiện.²
- Lượng mưa trung bình năm của thành phố Cần Thơ giảm khoảng 200 mm. Từ năm 2010 đến nay, lượng mưa giao động từ 1.200 đến 1.500 mm. Đi kèm với lượng mưa giảm là hạn hán và tình trạng xâm nhập mặn tăng cao.
- Xâm nhập mặn: Trước đây TPCT hầu như không bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn do cách biển hơn 65 km. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, xâm nhập mặn đã bắt đầu ảnh hưởng đến nguồn nước sông của TPCT.

¹ <https://baocantho.com.vn/can-tho-tang-toc-phat-trien-kinh-te-a115760.html>

² <http://biendoikhihau.cantho.gov.vn/vi/news/tin-can-tho/nhung-thach-thuc-ve-bien-doi-khi-hau-tai-thanh-pho-can-tho-va-dinh-huong-ung-pho-27.html>

- Ngập lụt: Hiện chưa có một nghiên cứu cụ thể nào cho vấn đề này, nhưng cũng có thể thấy được chế độ thủy văn đã có sự biến đổi. Sự biến đổi này có thể là do hoạt động của con người, cũng có thể là từ sụt lún đất hoặc ảnh hưởng của nước biển dâng. Từ năm 2011, thành phố xuất hiện thêm ngập do thủy triều. Hàng năm, theo mùa nước nổi từ tháng 8 đến tháng 11, vùng nông thôn thành phố Cần Thơ ngập từ 0,5 m đến 1 m.
- Sạt lở bờ sông: Do sự thay đổi chế độ thủy văn, gần đây xuất hiện sạt lở bờ sông nghiêm trọng xảy ra tại thành phố Cần Thơ ảnh hưởng chất lượng công trình giao thông thủy - bộ, sập nhà cửa, cướp mất tài sản và sinh mạng người dân.
- Giông lốc và bão: Vấn đề bão đang gia tăng tại địa phương cả về tần số và cường độ do BĐKH là mối đe dọa thường xuyên, trước mắt và lâu dài đối với tất cả các lĩnh vực, các vùng và các cộng đồng. ĐBSCL, trong đó có TP Cần Thơ, là khu vực được chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu đánh giá là vùng dễ bị tác động nặng nề của bão và giông lốc do địa hình bằng phẳng.
- Một số thách thức khác: Không chủ động kiểm soát nguồn nước, lượng mưa tại chỗ ngày càng giảm, trong khi đó, các quốc gia thượng nguồn sông Mê Kông đang xây dựng nhiều đập thủy điện, nhu cầu nước cho phát triển cũng tăng cao, làm cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có thành phố Cần Thơ không thể chủ động được số lượng và chế độ nguồn nước tự nhiên.

Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở thành phố Cần Thơ

Ứng phó với BĐKH được Chính quyền TPCT xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, thành phố đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về “Quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Cần Thơ”³. Thực hiện Nghị quyết, nhiều công việc đã được triển khai đầu tư các trạm quan trắc tự động nhằm nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng qua việc triển khai các đề tài, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng các công trình chủ động, phòng chống và hạn chế tác động của biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, mực nước biển dâng v.v.

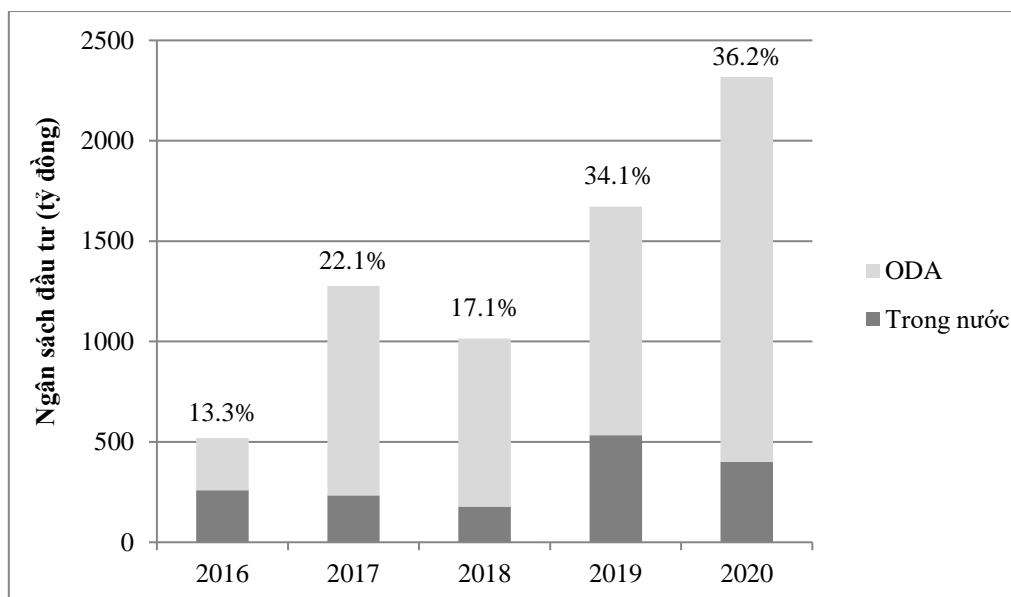
Kế hoạch Ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2030, ban hành kèm theo quyết định số: 1334/QĐ-UBND ngày 08/05/2015 của UBND thành phố đã đề ra một số định hướng ứng phó và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu như sau:

- Thích ứng biến đổi khí hậu sẽ bao gồm tất cả các hoạt động công trình và phi công trình nhằm mục tiêu chủ yếu là giảm thiểu tác động, trên cơ sở áp dụng tính toán chi phí lợi ích có quan tâm đến môi trường và nguyên tắc không hồi tiết.
- Thích ứng khí hậu bền vững trên cơ sở triển khai xây dựng nền kinh tế xanh, lấy hoạt động ứng phó làm động lực cơ bản để phát triển kinh tế, tăng cường mức sống, sinh kế người dân và ngược lại lấy tăng cường thu nhập cho người dân, gia tăng tích lũy, phát triển kinh tế-xã hội để củng cố năng lực ứng phó cho cộng đồng thành phố.
- Lồng ghép các dự án ưu tiên vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương hàng năm.

2. Tổng hợp dữ liệu về đầu tư biến đổi khí hậu ở Cần Thơ

2.1 Nguồn ngân sách đầu tư cho BĐKH

³ Ngày 06 tháng 02 năm 2012



Hình 1: Tổng ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu tại TP Cần Thơ – (phần trăm chi ngân sách cho biến đổi khí hậu trên tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh được biểu thị bởi giá trị (%) trên cùng của mỗi cột)

Bảng 1: Đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Cần Thơ theo từng năm từ 2016-2020 và theo nguồn vốn

Năm	Đầu tư trong nước cho BDKH (tỷ đồng)	Đầu tư nước ngoài cho BDKH (tỷ đồng)	Tổng đầu tư cho BDKH (vốn trong và ngoài nước) (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn đầu tư trong nước cho BDKH (%)	Tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài cho BDKH (%)	Tổng đầu tư công của tỉnh (tỷ đồng)	Tỷ lệ đầu tư cho BDKH trên tổng đầu tư công của tỉnh (%)
2016	259,8	258,4	518,3	50,1	49,9	3.888,9	13,3
2017	234,2	1.041,7	1.275,9	18,4	81,6	5.772,2	22,1
2018	177,6	836,6	1.014,2	17,5	82,5	5.918,4	17,1
2019	533,9	1.137,5	1.671,4	31,9	68,1	4.896,4	34,1
2020	400,7	1.917,6	2.318,2	17,3	82,7	6.401,1	36,2

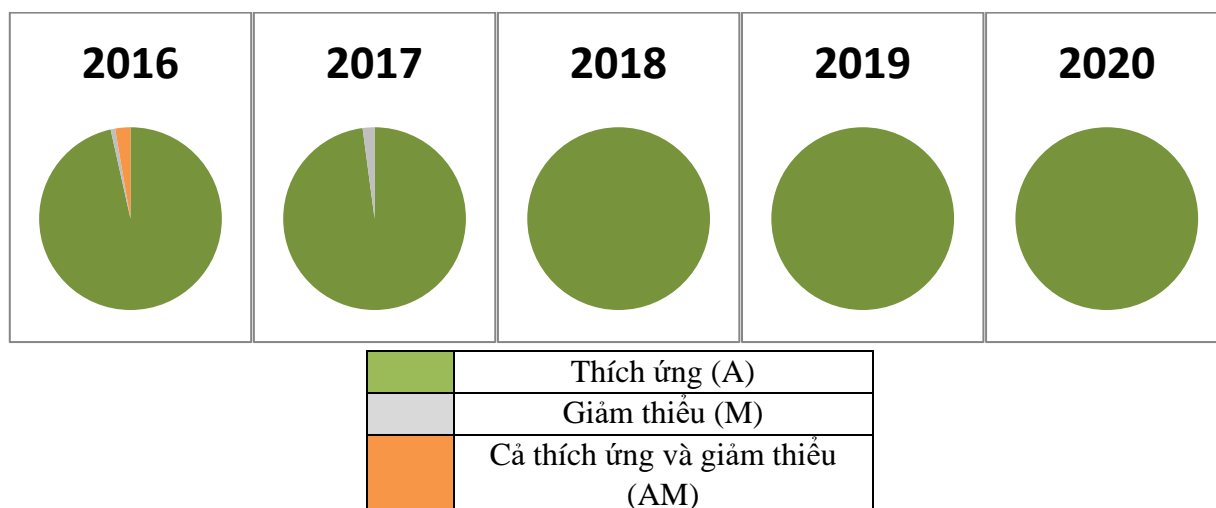
Đối với TPCT, đầu tư cho BDKH trung bình giai đoạn 2016-2020 là khoảng 1.360 tỷ đồng/năm. Ngân sách đầu tư cho khí hậu cao nhất vào năm 2020 (hơn 2.300 tỷ đồng), năm kết thúc kế hoạch trung hạn, trong khi thấp nhất vào năm 2016 (518 tỷ đồng), năm đầu tiên của kế hoạch. Như vậy là có dấu hiệu cho thấy xu hướng tăng chi đầu tư tổng thể liên quan đến khí hậu.

Giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư cho biến đổi khí hậu bằng nguồn vốn trong nước bình quân hàng năm là 321 tỷ đồng, chiếm tới 23,6% tổng chi đầu tư, nguồn ODA đóng góp lên gần 1.040 tỷ đồng, chiếm 76%. Đối với TPCT, nguồn vốn ODA đóng vai trò quan trọng, chiếm tỷ trọng từ 50% năm 2016 tăng lên đến 82,7% vào năm 2020.

Thống kê cho thấy, tỷ trọng chi đầu tư cho biến đổi khí hậu thay đổi, tăng từ 13,3% đến 36,2% (trung bình là 25,3%) trên tổng chi đầu tư phát triển của tỉnh.

2.2 Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu, theo mục đích chi

a) Phân bổ loại dự án cho “thích ứng”, “giảm thiểu” hoặc cho cả “thích ứng” và “giảm thiểu”



Hình 2: Chi đầu tư cho thích ứng và giảm thiểu (Đơn vị: %)

Số liệu chi tiết đầu tư cho biến đổi khí hậu theo thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu (để tham khảo)

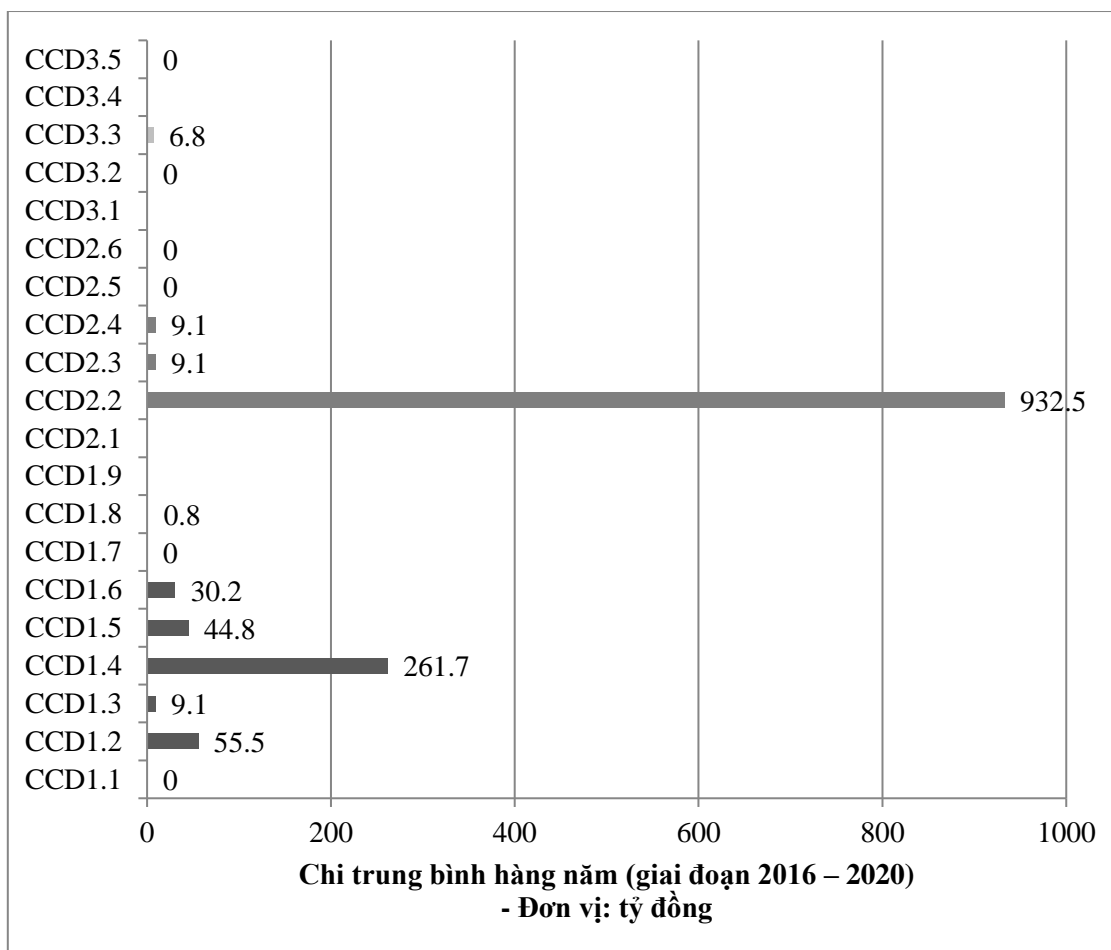
Đơn vị: Tỷ đồng	2016		2017		2018		2019		2020	
Thích ứng	499,8	96,5%	1.249,3	97,9%	1.014,2	100,0%	1.671,4	100,0%	2.318,2	100,0%
Giảm thiểu	4,4	0,8%	26,6	2,1%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Thích ứng & Giảm thiểu	14,1	2,7%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%

Từ kết quả trên, cho thấy hầu hết đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực thích ứng, chiếm hơn 99%. Có một số dự án về lĩnh vực giảm nhẹ, liên quan đến xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải bệnh viện, chi bình quân cho các dự án này khoảng 10,5 tỷ/năm (tập trung chủ yếu vào năm 2016 và 2017). Các dự án liên quan đến cả giảm thiểu và thích ứng tập trung vào các dự án thoát nước và xử lý nước thải của thành phố với mức chi bình quân năm là 6,5 tỷ.

Đầu tư vào lĩnh vực giảm nhẹ hầu như không đáng kể, nhưng trong Kế hoạch Thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA) ở cấp địa phương, có một danh mục đáng kể các hành động phù hợp với Kế hoạch Hành động Tăng trưởng Xanh (GGAP), Kế hoạch Hành động Biến đổi Khí hậu (CCAP) của địa phương, nếu có. Do đó, không có sự rõ ràng về loại đầu tư của khu vực công có thể kích hoạt đầu tư của khu vực tư nhân trong các nỗ lực đầu tư vào giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

b) Phân bổ cho các nhiệm vụ chi đầu tư thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu (CCD)

Chi đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, trung bình hằng năm giai đoạn 2016 – 2020 (đơn vị: tỷ đồng)



Đầu tư cho biến đổi khí hậu ở TPCT tập trung chủ yếu vào 02 lĩnh vực là CCD 2.2 về tăng cường tính chống chịu của các khu vực thành phố và dân cư, đầu tư trung bình lên tới 932,5 tỷ/năm, chiếm tới gần 70% (cụ thể nằm tại các dự án nâng cấp đô thị, phát triển thành phố Cần Thơ tăng cường khả năng thích ứng đô thị và Quản lý ngập lụt, sạt lở đô thị) và lĩnh vực CCD 1.4 (Đê và kè bảo vệ sông, đầu tư 261,7 tỷ/năm, chiếm 19%).

Các lĩnh vực còn lại tập trung vào các dự án về kiểm soát xâm nhập mặn thông qua hệ thống đê kè, nạo vét kênh để phòng chống hạn hán xâm nhập mặn (mã CCD 1.2) với mức chi trung bình khoảng 55,5 tỷ/năm, tiếp đến là lĩnh vực cấp nước (CCD 1.5) với mức chi 44,8 tỷ/năm, phát triển nông nghiệp và nông thôn (CCD 1.6) với mức chi 30,2 tỷ/năm (dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ, các dự án về mô hình thí điểm trồng lúa kỹ thuật hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất chế biến, bảo quản hạt giống lúa v.v).

Lĩnh vực CCD 2.2, nâng cao khả năng chống chịu của khu vực thành phố và dân cư với biến đổi khí hậu chiếm tỷ trọng rất lớn so với các khu vực khác, điều này phù hợp với thực tế của địa phương trong thời gian gần đây do đô thị hóa quá nhanh và khó kiểm soát nên tình trạng ngập úng, giao thông. Tình trạng kẹt xe diễn ra phổ biến ở Cần Thơ, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp ở ĐBSCL nói chung và TP. Cần Thơ nói riêng. Các lĩnh vực đầu tư khác phù hợp với điều kiện của Cần Thơ.

2.3 Chi ngân sách từ nguồn vốn ODA

Dưới đây là 05 dự án ODA lớn nhất cho biến đổi khí hậu (Tên dự án, nguồn vốn, giai đoạn đầu tư, tỷ trọng trong tổng đầu tư từ ODA):

1. Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị: 3 hợp

phần (2016-2020, 73,6%)

+ HP1: Kiểm soát ngập lụt và vệ sinh môi trường

+ HP2: Phát triển hành lang đô thị

+ HP3: Tăng cường quản lý đô thị thích ứng với BĐKH

2. Nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL-Tiểu dự án TP. Cần Thơ (2016-2020, 16,0%)
3. Kè sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu (2016-2020, 6,7%)
4. Dự án Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ (VnSAT) (2016-2020, 2,5%)
5. Dự án tăng cường năng lực quan trắc và phân tích chất lượng môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (2016-2020, 0,6%)

2.4 Các công cụ lập kế hoạch và chính sách

Công cụ	Có (✓)/ Không (X)
CTMTQG về BĐKH tại địa phương, báo cáo cho giai đoạn 2015	✓
Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCAP)	X
Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (GGAP)	X
Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA)	✓
Khác: không	